TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4- BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2025/HNGĐ-ST
Ngày 10/09/2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con giữa anh T với chị N

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4- BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thụ
2. Bà Vũ Thị Nết

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thùy Linh- Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4- Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4- Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Bình- Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 09 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4- Bắc Ninh mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số: 91/2025/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 03 năm 2025 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2025/QĐXX-ST ngày 25 tháng 07 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 56/2025/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 08 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Văn T, sinh năm 1984
Địa chỉ: thôn P 3, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt

2. Bị đơn: Chị Cao Thị N, sinh năm 1990
Địa chỉ: thôn P 3, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai tiếp theo nguyên đơn anh Lê Văn T trình bày: Anh kết hôn với chị Cao Thị N năm 2009 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tam Dị, huyện Lục Nam. Sau đám cưới, chị N về gia đình anh chung sống ngay. Đến năm 2017, bố mẹ anh về sống với anh trai anh thì vợ chồng anh ra ăn ở riêng. Vợ chồng anh bắt đầu xảy ra mâu thuẫn từ năm 2011, từ năm 2017 thì mâu thuẫn ngày càng gay gắt hơn. Nguyên nhân do chị N không chịu đi làm, không có trách nhiệm với gia đình, con cái. Mâu thuẫn vợ chồng anh được

gia đình hai bên hòa giải nhưng vẫn không thay đổi. Từ năm 2025, anh và chị N đã chấm dứt mọi quan hệ tình cảm cũng như kinh tế. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị N đã hết, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị Cao Thị N.

Về con chung: Anh và chị Cao Thị N sinh được 02 con chung là Lê Thị M Anh, sinh năm 2010 và Lê Bảo Y, sinh năm 2019. Ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi cả 02 con. Anh không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, bị đơn chị Cao Thị N trình bày về thời gian, điều kiện kết hôn như anh Lê Văn T đã khai. Do cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, anh Lê Văn T yêu cầu ly hôn, chị đồng ý.

Về con chung: Chị và anh Lê Văn T sinh được 02 con chung như anh T đã khai. Nay chị đang làm công nhân và ruộng, điều kiện kinh tế còn khó khăn nên chị đồng ý để anh T nuôi cả 02 con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán tiến hành tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho anh Lê Văn T ly hôn với chị Cao Thị N. Về con chung giao cho anh Lê Văn T nuôi cả 02 con. Cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản, không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh Lê Văn T yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn và con chung giữa anh với chị Cao Thị N. Đây là "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại xã Đ, tỉnh Bắc Ninh. Căn cứ vào Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4- Bắc Ninh.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xử vụ án.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Văn T kết hôn với chị Cao Thị N trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tam Dị, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (nay là xã Đ, tỉnh Bắc Ninh) ngày 14/09/2009, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Ban đầu vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc, sau đó nẩy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống. Anh T và chị N sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ về tình cảm cũng như kinh tế đã lâu, ai sống thế nào thì mặc, không ai quan tâm đến ai. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa anh T và chị N đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh T yêu cầu được ly hôn, chị N đồng ý. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận cho anh Lê Văn T và chị Cao Thị N ly hôn.

[3]. Về con chung: Anh Lê Văn T và chị Cao Thị N sinh được 02 con chung là Lê Thị M Anh, sinh năm 2010 và Lê Bảo Y, sinh năm 2019. Ly hôn, anh T yêu cầu được nuôi cả 02 con, chị N đồng ý, cháu Lê Thị M Anh có nguyện vọng được ở với anh T. Căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, cần giao cả 02 con cho anh T nuôi dưỡng. Cấp dưỡng nuôi con, đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4]. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5]. Về án phí: Anh Lê Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí anh T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004704 ngày 25/03/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh).

[6]. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Lê Văn T ly hôn với chị Cao Thị N.

2. Về con chung: Giao cho anh Lê Văn T nuôi 02 con là Lê Thị M Anh, sinh năm 2010 và Lê Bảo Y, sinh năm 2019. Chị Cao Thị N có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị N thực hiện quyền này. Việc thăm nom con không được để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Anh Lê Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí anh T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004704 ngày 25/03/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

4. Về kháng cáo: Báo cho các đương sự vắng mặt biết, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 4- Bắc Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh;
- Ủy ban nhân xã Đ;
- Lưu hồ sơ, v/p.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Huân